

CỤC THUẾ NGHỆ AN  
TỔ GIAO DỊCH MỘT CỬA

Số:.....

**CVD 20 -04- 2010**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN 471**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**Được kiểm toán bởi:**

T + \*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG**

# MỤC LỤC

CỤC THUẾ NGHỆ AN  
TỔ GIAO DỊCH MỘT CỬA

Số:.....

**CVD 20 -04- 2010**

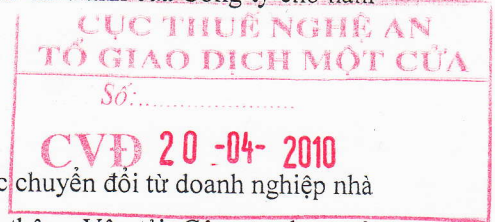
NỘI DUNG	TRANG
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán	4
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 - 6
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8 - 9
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 24

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 471 trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần 471 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2576/QĐ-BGTVT ngày 25/08/2008 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần số 2703002168 lần đầu ngày 01/01/2009. Công ty được Cục thuế tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế số 2900324868 ngày 30/09/1998, thay đổi ngày 16/02/2009.



Trụ sở chính: Số 9 đường Trần Nhật Duật, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty: 24.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty: Xây dựng, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, công trình ngầm, đường hầm, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp thoát nước, đường điện và trạm biến áp đến 35kv, công trình bưu chính viễn thông;
- Nạo vét, đào đắp, san lấp mặt bằng, trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng;
- Tư vấn: sử dụng vật liệu xây dựng, quản lý dự án, đấu thầu;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, công trình xây dựng;
- Dịch vụ kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình;
- Sản xuất, đại lý, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Sản xuất, gia công, chế tạo, mua bán cấu kiện bê tông, kim loại và bán thành phẩm xây dựng;
- Gia công, sửa chữa cơ khí, máy xây dựng, ô tô;
- Mua bán, cho thuê vật tư, phụ tùng, thiết bị máy xây dựng và ô tô;
- Dịch vụ cho thuê bến bãi, kho, văn phòng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch;
- Đại lý, mua bán xăng dầu, gas;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng: khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, khu đô thị, khu thương mại, đường giao thông, công trình thủy lợi, thủy điện, khu du lịch.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Vinh	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vương Đình Ngũ	:	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Toàn	:	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	:	Ủy viên
Ông Hồ Tuấn Dũng	:	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Vương Đình Ngũ	:	Giám đốc
Ông Mai Anh Đồng	:	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Toàn	:	Phó Giám đốc
Ông Hồ Tuấn Dũng	:	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Văn Sơn	:	Phó Giám đốc

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long là công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Ban Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các báo cáo tài chính, sổ sách và chứng từ kế toán cho các Kiểm toán viên. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

**Công ty Cổ phần 471**

Địa chỉ: Số 9 đường Trần Nhật Duật, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383. 842 356 Fax: 0383.848964

**Báo cáo của Ban Giám đốc**

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP Vinh, ngày 07 tháng 04 năm 2010

**TM. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**VƯƠNG ĐÌNH NGŨ**



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG

Trụ sở chính tại Hà Nội  
Chi nhánh tại Lạng Sơn  
VPĐD tại TP. HCM  
VPĐD tại Lào Cai  
VPĐD tại Hải Dương  
VPĐD tại Sơn La  
VPĐD tại Vinh

: Số 23/61 đường Trần Duy Hưng  
: Tổ 2 khối 14 đường Bà Triệu, TP Lạng Sơn  
: Số 511/19 Huỳnh Văn Bánh - P. 14 - Q. Phú Nhuận  
: Số 37 Lê Thị Hồng Gấm - P. Phố Mới - TP Lào Cai  
: Số 2/27 đường Bùi Thị Xuân - TP Hải Dương  
: Số 94Đ - đường Nguyễn Lương Bằng - TP Sơn la  
: P112 - Nhà C3 - Khối 7 - Quang Trung - TP Vinh

- Tel: 04 6251 0008 \* Fax: 04 6251 1327  
- Tel: 025 3 718 545 \* Fax: 025 3 716 264  
- Tel: 08 3991 9006 \* Fax: 08 3991 9006  
- Tel: 0202 221 9989 \* Fax: 0202 221 9989  
- Tel: 0320 3252 212 \* Fax: 0320 3252 212  
- Tel: 022 224 1323 \* Fax: 022 375 1323  
- Tel: 038 860 2298 \* Fax: 038 860 2298

Số : 140/2009 /BCKT - TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần 471

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN 471**



Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần 471 được lập ngày 31/03/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 471 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2010

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN**



**THĂNG LONG**  
Tổng Giám đốc

**TU QUỲNH HẠNH**  
Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

Kiểm toán viên

**NGUYỄN TRUNG KIÊN**  
Chứng chỉ KTV số: 1129/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2009

CỤC THUẾ NGHỆ AN  
 TỔ GIAO DỊCH MỘT CỬA

Số:.....

**CVD 20 -04- 2010**  
 Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	TM	Số cuối năm
1	2	3	4
<b>A Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>221.666.474.554</b>
<i>I Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>3.570.895.558</i>
1 Tiền	111	V.01	3.570.895.558
<i>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.02</i>	<i>21.250.000.000</i>
1 Đầu tư ngắn hạn	121		21.250.000.000
<i>III Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>151.252.425.464</i>
1 Phải thu khách hàng	131		119.216.743.831
2 Trả trước cho người bán	132		22.524.305.495
5 Các khoản phải thu khác	138	V.03	9.511.376.138
<i>IV Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>43.733.708.909</i>
1 Hàng tồn kho	141	V.04	43.733.708.909
<i>V Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>1.859.444.623</i>
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.859.444.623
<b>B Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>41.185.244.107</b>
<i>II Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>40.465.648.224</i>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	39.439.168.224
- Nguyên giá	222		110.223.628.917
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(70.784.460.693)
3 TSCĐ vô hình	227	V.07	1.026.480.000
- Nguyên giá	228		1.026.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0
<i>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>34.403.000</i>
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	34.403.000
<i>V Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>685.192.883</i>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	685.192.883
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>262.851.718.661</b>

Công ty Cổ phần 471

Địa chỉ: Số 9 Trần Nhật Duật, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383. 842 356 Fax: 0383.848964

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2009 (tiếp theo)

CỤC THUẾ NGHỆ AN  
TỔ GIAO DỊCH MỘT CỬA

Số:.....

Đơn vị tính: VND

CVD 20-04-2010

	Nguồn vốn	Mã số	TM	Số cuối năm
1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>233.793.861.688</b>
<i>I</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>204.493.861.688</i>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	1.922.610.000
2	Phải trả người bán	312		71.298.213.669
3	Người mua trả tiền trước	313		100.621.643.250
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	6.945.521.071
5	Phải trả người lao động	315		6.273.716.140
6	Chi phí phải trả	316	V.12	4.780.921.027
7	Phải trả nội bộ	317		15.423.122
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	12.635.813.409
<i>II</i>	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>29.300.000.000</i>
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.14	29.300.000.000
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>29.057.856.973</b>
<i>I</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	V.15	<i>29.057.856.973</i>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		2.445.200
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.054.433.149
<i>II</i>	<i>Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>0</i>
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>262.851.718.661</b>
<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>			<b>Số cuối năm</b>
5	Ngoại tệ các loại (USD)	007		1.005,1

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ TRÀ

Kế toán trưởng

LÊ THÁI QUANG HÀO

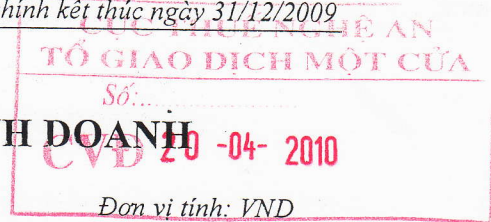
Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Giám đốc



VƯƠNG ĐÌNH NGŨ





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	247.868.950.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		247.868.950.600
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	226.394.583.259
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.474.367.341
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	4.354.141.423
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	3.985.541.468
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.364.331.026
8. Chi phí bán hàng	24		0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.609.785.328
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.233.181.968
11. Thu nhập khác	31	VI.20	243.769.854
12. Chi phí khác	32		976.159.877
13. Lợi nhuận khác	40		(732.390.023)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.500.791.945
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	2.157.558.796
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.343.233.149
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.22	2.643

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ TRÀ

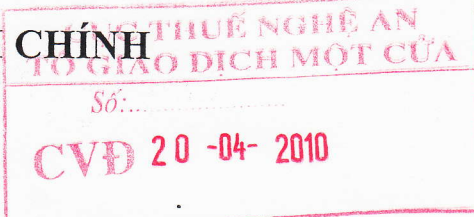
LÊ THÁI QUANG HÀO

VƯƠNG ĐÌNH NGŨ



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009



### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 471 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2576/QĐ-BGTVT ngày 25/08/2008 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần số 2703002168 lần đầu ngày 01/01/2009. Công ty được Cục thuế tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế số 2900324868 ngày 30/09/1998, thay đổi ngày 16/02/2009.

Trụ sở chính: Số 9 đường Trần Nhật Duật, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty: 24.000.000.000 đồng.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, sản xuất, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, công trình ngầm, đường hầm, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp thoát nước, đường điện và trạm biến áp đến 35kv, công trình bưu chính viễn thông;
- Nạo vét, đào đắp, san lấp mặt bằng, trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng;
- Tư vấn: sử dụng vật liệu xây dựng, quản lý dự án, đấu thầu;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, công trình xây dựng;
- Dịch vụ kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình;
- Sản xuất, đại lý, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Sản xuất, gia công, chế tạo, mua bán cấu kiện bê tông, kim loại và bán thành phẩm xây dựng;
- Gia công, sửa chữa cơ khí, máy xây dựng, ô tô;
- Mua bán, cho thuê vật tư, phụ tùng, thiết bị máy xây dựng và ô tô;
- Dịch vụ cho thuê bến bãi, kho, văn phòng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch;
- Đại lý, mua bán xăng dầu, gas;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng: khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, khu đô thị, khu thương mại, đường giao thông, công trình thủy lợi, thủy điện, khu du lịch.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

a. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

b. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm không được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xoá số dư.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở ước tính.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp đích danh.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời

điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2009, không có loại hàng hoá nào cần phải trích lập dự phòng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình.**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:**

*Chi phí trả trước ngắn hạn* : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ giá trị nhỏ;

- Chi phí bảo hiểm có thời hạn 12 tháng.

*Chi phí trả trước dài hạn* : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Giá trị lợi thế kinh doanh ;
- Chi phí bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

a. Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

b. Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối năm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

- Đối với chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được xử lý như sau:

+ *Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn:*

Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, sau khi đánh giá lại số dư cuối năm và bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái:

\* Nếu giá trị chênh lệch nhỏ thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

\* Nếu giá trị chênh lệch lớn thì hạch toán vào chi phí tài chính trong năm giá trị chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

- Khi thanh lý từng khoản nợ phải trả dài hạn, nếu tỷ giá thanh toán thực tế phát sinh cao hơn hoặc thấp hơn tỷ giá đang hạch toán trên sổ sách thì phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được xử lý như sau:

+ *Đối với nợ phải trả:*

Trường hợp chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm tính vào thu nhập tài chính trong kỳ.

Trường hợp chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Lãi vay phải trả
- Chi phí bảo lãnh

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần trình bày trên báo cáo tài chính là kết quả của việc phát hành cổ phần lần đầu khi cổ phần hóa Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Trong năm 2009, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, số tiền là 127.900.000 đồng. Các quỹ khác sẽ được trích trong năm 2010 khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**10.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng:** Doanh thu hoạt động xây lắp được xác định trên cơ sở quyết toán A-B và hóa đơn giá trị gia tăng đã phát hành.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

- Thuế suất thuế TNDN của Công ty 25%.

- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng**

**Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm:** Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Cuối năm</u>
Tiền mặt	822.235.524
Tiền gửi ngân hàng	2.748.660.034
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>2.730.627.535</b>
Ngân hàng VIB bank	80.048.604
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Nghệ An	2.065.942.271
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Vinh	420.707.268
Kho bạc nhà nước- Sở giao dịch	7.938.546
Ngân hàng DB Sông Cửu Long	36.908.241
Ngân hàng Eximbank – Vinh	602.003
Ngân hàng Techcombank	1.341.194
Ngân hàng Sacombank Vinh	1.666.409
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hải Phòng	20.397.337
Ngân hàng Hàng Hải - Nghệ An	67.528.867
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Bắc Hà Nội	3.445.710
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hà Nội	23.885.261
Kho bạc nhà nước Nghệ An	215.824
<b>Tiền gửi ngoại tệ</b>	<b>18.032.499</b>
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Vinh	18.032.499
<b>Cộng</b>	<b><u><u>3.570.895.558</u></u></b>

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>
Tiền gửi ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương - Vinh	8.000.000.000
Tiền gửi ngắn hạn Ngân hàng BIDV Hà Nội	10.000.000.000
Tiền gửi ngắn hạn Ngân hàng Techcombank	3.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u><u>21.250.000.000</u></u></b>

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>
Công ty CTGT 492 (Vay vốn đường Trần Phú)	2.600.000.000
Công ty CTGT 492 (Lãi vay vốn)	783.624.194
Công ty CP xây dựng 43	3.800.000.000
Công ty CP xây dựng 43 (Lãi vay vốn)	1.200.000.000
Phải thu khác	1.127.751.944
<b>Cộng</b>	<b><u><u>9.511.376.138</u></u></b>

04. Hàng tồn kho

	<i>Cuối năm</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	8.868.568.219
- Công cụ, dụng cụ	19.310.409
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.845.830.281
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>43.733.708.909</u>

05. Tài sản ngắn hạn khác

	<i>Cuối năm</i>
Tạm ứng	1.859.444.623
Cộng	<u>1.859.444.623</u>

**Công ty Cổ phần 471**

Địa chỉ: Số 9 Trần Nhật Duật, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383. 842.356 Fax: 0383.848964

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng do bàn giao cổ phần hóa	4.126.609.992	71.213.528.853	21.514.732.322	910.387.804	97.765.258.971	
- Mua trong năm	-	10.691.983.312	2.209.175.955	175.223.119	13.076.382.386	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(618.012.440)	-	(618.012.440)	
Số dư cuối năm	4.126.609.992	81.905.512.165	23.105.895.837	1.085.610.923	110.223.628.917	

**II. Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	
- Tăng do bàn giao cổ phần hóa	2.853.542.606	41.286.173.149	14.426.381.730	612.844.143	59.178.941.628	
- Khấu hao trong năm	271.963.667	9.627.067.256	2.138.011.124	173.246.335	12.210.288.382	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(604.769.317)	-	(604.769.317)	
Số dư cuối năm	3.125.506.273	50.913.240.405	15.959.623.537	786.090.478	70.784.460.693	

**III. Giá trị còn lại của TSCĐ**

<b>HH</b>						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	1.001.103.719	30.992.271.760	7.146.272.300	299.520.445	39.439.168.224	

07. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
Số dư đầu năm	0	0
Tăng do bàn giao cổ phần hóa	1.026.480.000	1.026.480.000
Số dư cuối năm	1.026.480.000	1.026.480.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	0	0
Số dư cuối năm	0	0
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
1. Tại ngày đầu năm	0	0
2. Tại ngày cuối năm	1.026.480.000	1.026.480.000
<b>8. Đầu tư dài hạn khác</b>		
		<i>Cuối năm</i>
Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4		34.403.000
<b>Cộng</b>		<b>34.403.000</b>
<b>9. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
		<i>Cuối năm</i>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		685.192.883
<b>Cộng</b>		<b>685.192.883</b>
<b>10. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
		<i>Cuối năm</i>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An		1.922.610.000
<b>Cộng</b>		<b>1.922.610.000</b>
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
		<i>Cuối năm</i>
11.1. Thuế phải nộp nhà nước		6.945.521.071
Thuế giá trị gia tăng		4.815.133.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp		2.115.785.060
Thuế thu nhập cá nhân		14.602.700
<b>Cộng</b>		<b>6.945.521.071</b>

**Công ty Cổ phần 471**

Địa chỉ: Số 9 Trần Nhật Duật, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383. 842 356 Fax: 0383.848964

**Báo cáo tài chính**  
*cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009***12. Chi phí phải trả**

	<u>Cuối năm</u>
Phí bảo lãnh ngân hàng	87.029.854
Trích trước lãi vay NH	40.396.172
Lãi vay Sở Tài chính Khánh Hoà	4.653.495.001
<b>Cộng</b>	<u><u>4.780.921.027</u></u>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>
Bảo hiểm xã hội	23.218.728
Kinh phí công đoàn	274.659.194
Doanh thu chưa thực hiện	90.000.000
Phải trả về cổ phần hoá	721.055.519
Phải trả, phải nộp khác	11.526.879.968
<b>Cộng</b>	<u><u>12.635.813.409</u></u>

**14. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Cuối năm</u>
14.1. Vay dài hạn	<u>29.300.000.000</u>
Sở Tài chính Khánh Hoà	29.300.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>29.300.000.000</u></u>

**Công ty Cổ phần 471**

Địa chỉ: Số 9 Trần Nhật Duật, TP Vinh, Nghệ An  
 Điện thoại: 0383. 842.356 Fax: 0383.848964

*Báo cáo tài chính*  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**15. Vốn chủ sở hữu****15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
A	1	2	3	4	5	
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
- Tăng vốn do bán giao cổ phần hóa	24.000.000.000	2.445.200			24.002.445.200	
- Lãi tăng trong năm.				6.343.233.149	6.343.233.149	
- Tăng khác			978.624		978.624	
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác				(1.288.800.000)	(1.288.800.000)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>2.445.200</b>	<b>978.624</b>	<b>5.054.433.149</b>	<b>29.057.856.973</b>	

**15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Cuối năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	12.391.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	11.609.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>24.000.000.000</u></b>

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Cuối năm</u>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b><u>24.000.000.000</u></b>
+ Vốn góp đầu năm	0
+ Vốn góp tăng trong năm	24.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0
+ Vốn góp cuối năm	24.000.000.000
- <b>Cổ tức và lợi nhuận đã chia</b>	<b><u>1.160.900.000</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>22.839.100.000</u></b>

**15.4 Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	2.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.400.000</u></b>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**16. Doanh thu**

	<i>Năm nay</i>
Doanh thu hoạt động xây lắp	246.596.779.298
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.272.171.302
<b>Cộng</b>	<b>247.868.950.600</b>

**17. Giá vốn hàng bán**

	<i>Năm nay</i>
Giá vốn hoạt động xây lắp	226.269.142.533
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.440.726
<b>Cộng</b>	<b>226.394.583.259</b>

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Năm nay</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.121.483.636
Lãi chiết khấu thanh toán	39.050.000
Lãi cho vay vốn	1.193.607.787
<b>Cộng</b>	<b>4.354.141.423</b>

**19. Chi phí tài chính**

	<i>Năm nay</i>
Lãi bảo lãnh tài sản	27.682.908
Lãi vay ngân hàng	2.405.411.272
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	327.278.347
Phí bảo lãnh ngân hàng	1.225.168.941
<b>Cộng</b>	<b>3.985.541.468</b>

**20. Thu nhập khác**

	<i>Năm nay</i>
Thanh lý tài sản cố định	95.454.545
Thu nhập khác	148.315.309
<b>Cộng</b>	<b>243.769.854</b>

**21. Chi phí khác**

	<i>Năm nay</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	13.243.123
Lãi chậm đóng BHXH và phạt hành chính	6.763.519
Khối lượng cắt giảm	646.150.616
Chênh lệch tỷ giá năm 2008	187.318.794
Chi phí khác	122.683.825
<b>Cộng</b>	<b>976.159.877</b>



**22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi tiêu	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.500.791.945
Điều chỉnh tăng các khoản	129.443.238
Các khoản nộp phạt khác	6.763.519
Chi phí không hợp lệ khác	122.679.719
Thu nhập chịu thuế	8.630.235.183
Thuế suất thuế TNDN	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.157.558.796</b>

**23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.343.233.149
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	0
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.343.233.149
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.400.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.643

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4	Công ty Mẹ	Thi công các công trình giao thông

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4	Công ty Mẹ	Phải thu các công trình hoàn thành	1.987.330.165
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4	Công ty Mẹ	Các khoản ứng trước Thi công các công trình giao thông	46.604.518.138

Công ty Cổ phần 471

Địa chỉ: Số 9 Trần Nhật Duật, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383. 842 356 Fax: 0383.848964

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

## 2. Thông tin so sánh

Đây là năm đầu tiên Công ty Cổ phần 471 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần nên không có số liệu so sánh trên báo cáo tài chính. Số liệu bàn giao từ Công ty nhà nước sang Công ty cổ phần được ghi nhận là số phát sinh trong năm của Công ty cổ phần.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ TRÀ

Kế toán trưởng

LÊ THÁI QUANG HÀO

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2010



Giám đốc

VƯƠNG ĐÌNH NGŨ

Y H